

PHỤ LỤC 2  
DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025

| TT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển                                                                |                                                             |                                                           |                                      | Đối tượng ưu tiên                       | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 |                                                          |                                    | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2    |                                                              |                                    | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Ghi chú                                                          |
|----|-----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|    |                       | Nam                   | Nữ         |                                | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Tiêu chuẩn khác                      |                                         | Khoa/phòng /trạm               | Đơn vị dự tuyển                                          | Vị trí dự tuyển                    | Khoa/phòng/ trạm                  | Đơn vị dự tuyển                                              | Vị trí dự tuyển                    |                                |                                      |                                                                  |
| 1  | Dương Hoàng Ngọc Chi  |                       | 24/8/2001  | Ayun Pa, Gia Lai               | Cao đẳng cử nhân thực hành Dược (Không có số hiệu)                                         |                                                             |                                                           |                                      |                                         |                                | Trung tâm y tế Phú Thiện                                 | Cao đẳng Dược                      | Trạm Y tế xã Pờ Tó                | Trung tâm y tế Ia Pa                                         | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Văn bằng chuyên môn không có số hiệu                             |
| 2  | Hoàng Thị Ngọc Diệu   |                       | 31/03/2002 | Sông Hinh, Đăk Lăk             | Cử nhân Quản trị nhân lực E0053709                                                         | Tiếng anh B1 E18969                                         |                                                           |                                      | Người dân tộc thiểu số                  |                                | Trung tâm Y tế Krông Pa                                  | Đại học ngành: Quản lý nhà nước    |                                   | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn     | Đại học ngành: Quản lý nhà nước    | Chuyên viên                    | 01.003                               | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 3  | Nguyễn Vũ Hiếu        | 22/8/2003             |            | Khang, Gia Lao                 | Cao đẳng thiết kế đồ họa 032484                                                            |                                                             |                                                           |                                      |                                         |                                | Trung tâm y tế Đak Pơ                                    | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin |                                   | Trung tâm y tế Kông Chro                                     | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng IV    | V.11.06.15                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 4  | Đinh Văn Hiệu         | 04/04/1989            |            | Văn Canh, Gia Lai              | Cao đẳng Khảo sát Địa hình 0000586                                                         |                                                             |                                                           | Chứng chỉ Văn thư - Hành chính D0115 | Người dân tộc thiểu số, con thương binh |                                | Trung tâm Y tế Tuy Phước                                 | Lưu trữ viện trung cấp             |                                   |                                                              |                                    | Lưu trữ viện trung cấp         | V.01.02.03                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 5  | Lê Lực                | 20/8/1990             |            | An Lão, Gia Lai                | Đại học kỹ thuật điện tử viễn thông E009925                                                | Tiếng anh C A2532662                                        |                                                           |                                      |                                         |                                | Trung tâm Y tế Hoài Ân                                   | Đại học ngành Kỹ thuật phần mềm    |                                   |                                                              |                                    | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 6  | Nguyễn Thị Kim Lý     |                       | 20/02/1995 | Văn Canh, Gia Lai              | Cao đẳng quản trị văn phòng B001033                                                        |                                                             |                                                           |                                      | Người dân tộc thiểu số                  |                                | Trung tâm Y tế Hoài Ân                                   | Trung cấp văn thư - lưu trữ        |                                   | Trung tâm Y tế Krông Pa                                      | Trung cấp văn thư - lưu trữ        | Văn thư viên trung cấp         | 02.008                               | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 7  | Hồ Thị Kiều Oanh      |                       | 16/8/2002  | Quy Nhơn, Gia Lai              | Đại học Kinh tế đầu tư DND.6.0171251                                                       |                                                             |                                                           |                                      |                                         |                                | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Kinh tế              |                                   | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai | Đại học ngành Kinh tế              | Chuyên viên                    | 01.003                               | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 8  | Lương Nguyễn Như Thảo |                       | 19/6/1989  | Thống Nhất, Gia Lai            | Cử nhân Điện tử viễn thông 00084750                                                        | Tiếng anh B A2135162                                        |                                                           |                                      |                                         |                                |                                                          | Bệnh viện 331                      | Đại học ngành Công nghệ thông tin |                                                              |                                    | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 9  | Trần Thị Xuân Thảo    |                       | 03/9/1990  | Văn Canh, Gia Lai              | Đại học Việt Nam học 196324                                                                | Tiếng anh B 0404991                                         | Tin học B A1310328                                        |                                      |                                         |                                | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Xã hội học           |                                   | Trung tâm Y tế Hoài Ân                                       | Đại học ngành Xã hội học           | Công tác xã hội viên           | V.09.04.02                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 10 | Nguyễn Thị Thu Trang  |                       | 07/11/2003 | Ia Boong, Gia Lai              | Cử nhân Quản trị Văn phòng HCH.6.000322                                                    |                                                             |                                                           |                                      |                                         |                                | Trung tâm y tế Chư Prông                                 | Văn thư viện trung cấp             |                                   | Trung tâm y tế Đức Cơ                                        | Văn thư viên                       | Văn thư viên trung cấp         | 02.008                               | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 11 | Bùi Hoàng Thu Trang   |                       | 04/5/1998  | Ia Grai, Gia Lai               | Kỹ sư Điện tử - Viễn thông 075158                                                          | Toefl ITP 367                                               |                                                           |                                      |                                         |                                | Trung tâm y tế Ia Grai                                   | Đại học ngành Công nghệ thông tin  |                                   |                                                              |                                    | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | Chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí tuyển dụng             |
| 12 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt |                       | 23/10/1996 | An Nhơn Nam, Gia Lai           | Thạc sĩ Kế toán 0001908<br>Đại học Quy hoạch và quản lý GTVT đô thị 0001742                | Tiếng anh B1 E06000769                                      |                                                           |                                      |                                         |                                | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn                              | Đại học ngành Kế toán              |                                   | Trung tâm Y tế Tuy Phước                                     | Đại học ngành Kế toán              | Kế toán viên (hạng III)        | V.06.031                             | Chuyên ngành đào tạo bậc đại học không phù hợp vị trí tuyển dụng |

| TT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển                                                                |                                                                       |                                                           |                 | Đối tượng ưu tiên      | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 |                                           |                                                    | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 |                                           |                                   | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Ghi chú                             |
|----|-----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                       | Nam                   | Nữ         |                                | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)           | Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Tiêu chuẩn khác |                        | Khoa/phòng /trạm               | Đơn vị dự tuyển                           | Vị trí dự tuyển                                    | Khoa/phòng/ trạm               | Đơn vị dự tuyển                           | Vị trí dự tuyển                   |                                |                                      |                                     |
| 13 | Nguyễn Thị Thuỷ Duyên |                       | 20/3/1997  | Phù Mỹ, Gia Lai                | Cao đẳng Dược B782753                                                                      |                                                                       |                                                           |                 |                        |                                | Trung tâm Y tế Phù Cát                    | Cao đẳng Dược                                      |                                | Trung tâm Y tế Phù Mỹ                     | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 14 | Nguyễn Thị Thúy Hiền  |                       | 12/08/1995 | Kđang, Gia Lai                 | Đại học Dược 2018/Q5DH13/1372                                                              |                                                                       |                                                           |                 |                        |                                | Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học Dược                                       |                                | Trung tâm Y tế Đak Doa                    | Đại học Dược                      |                                |                                      | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 15 | Nguyễn Thị Diễm Mì    |                       | 02/8/1995  | Tuy Phước Đông, Gia Lai        | Đại học điều dưỡng 0002771                                                                 | Tiếng anh B 2075958                                                   | Tin học B 169881                                          |                 |                        |                                | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn       | Đại học ngành Điều dưỡng                           |                                | Trung tâm Y tế Tuy Phước                  | Đại học ngành Điều dưỡng          | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 16 | Phạm Thị Kim Ngân     |                       | 05/01/2003 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai            | Cao đẳng Dược A015155                                                                      |                                                                       |                                                           |                 |                        |                                | Trung tâm Y tế Phù Cát                    | Cao đẳng Dược                                      |                                | Trung tâm Y tế An Nhơn                    | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 17 | Cao Phạm Khôi Nguyên  | 26/06/1999            |            | Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh     | Đại học Dược 001654                                                                        |                                                                       |                                                           |                 |                        | Khoa Dược                      | Trung tâm Y tế Phù Cát                    | Cao đẳng Dược                                      | Khoa Dược                      | Trung tâm Y tế An Khê                     | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 18 | Đào Thị Hồng Nhung    |                       | 08/5/1995  | Mang Yang, Gia Lai             | Cao đẳng điều dưỡng B640192                                                                |                                                                       |                                                           |                 |                        | Trạm Y tế xã Ayun              | Trung tâm y tế Mang Yang                  | Cao đẳng điều dưỡng                                | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang                  | Cao đẳng điều dưỡng               | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 19 | Nguyễn Thị Xuân Nở    |                       | 10/08/1989 | Ấn Hảo, Gia Lai                | Đại học Dược NTTDS.10202126                                                                | Tiếng anh B 23125975                                                  | 'CNTT cơ bản 0104036                                      |                 | Con thương binh        |                                | Trung tâm Y tế Đức Cơ                     | Dược sĩ (hạng III)                                 |                                | Trung tâm Y tế Ia Pa                      | Dược sĩ (hạng III)                |                                |                                      | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 20 | Phạm Thị Thanh Tha    |                       | 01/01/2000 | Phù Cát, Gia Lai               | Đại học dược DLH0502681                                                                    |                                                                       |                                                           |                 |                        |                                | Trung tâm Y tế Phù Cát                    | Cao đẳng Dược                                      |                                |                                           |                                   | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Đơn vị dự tuyển không có chỉ tiêu   |
| 21 | Đỗ Thành Huy          | 21/10/2003            |            | An Nhơn Tây, Gia Lai           | Đại học Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Giấy chứng nhận)                                         | TOEIC 530 052203006944                                                |                                                           |                 |                        |                                | Trung tâm Y tế Quy Nhơn                   | Kỹ thuật thực hành vận hành sửa chữa thiết bị lạnh |                                |                                           |                                   | Kỹ thuật viên hạng IV          | V.05.02.08                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 22 | Nguyễn Thành Luân     | 26/8/2001             |            | Biển Hồ, Gia Lai               | Đại học khoa học máy tính (Giấy chứng nhận)                                                | Toeic L&R 450 điểm 064201007816 Toeic S&W 200 điểm 0084249694000 3044 |                                                           |                 |                        |                                | Bệnh viện 331                             | Đại học ngành Công nghệ thông tin                  |                                | Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 23 | Phan Thị Kim Oanh     |                       | 29/02/2004 | Kon Gang, Gia Lai              | Cao đẳng Dược (Giấy chứng nhận)                                                            |                                                                       |                                                           |                 |                        | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei        | Trung tâm y tế Đak Doa                    | Cao đẳng Dược                                      |                                | Bệnh viện 331                             | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 24 | Đoàn Phú              | 27/3/2003             |            | Quy Nhơn, Gia Lai              | Đại học công nghệ thông tin (Giấy chứng nhận)                                              | Tiếng anh Bậc 3 0006255                                               |                                                           |                 |                        |                                | Trung tâm Y tế Quy Nhơn                   | Đại học ngành Công nghệ thông tin                  |                                | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn       | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 25 | Rơ Mah Sini           |                       | 26/9/2003  | Ia Dok, Gia Lai                | Cử nhân Quản lý nhà nước (Giấy chứng nhận)                                                 | Tiếng anh B1 0009032                                                  | CNTT cơ bản 0012500                                       |                 | Người dân tộc thiểu số |                                | Trung tâm y tế Đức Cơ                     | Đại học ngành Quản lý nhà nước                     |                                |                                           |                                   | Chuyên viên                    | 01.003                               | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 26 | Phạm Thị Thư          |                       | 22/12/1990 | Diên Hồng, Gia Lai             | Cao đẳng điều dưỡng (Giấy chứng nhận)                                                      |                                                                       |                                                           |                 |                        |                                | Bệnh viện 331                             | Cao đẳng điều dưỡng                                |                                | Trung tâm y tế Pleiku                     | Cao đẳng điều dưỡng               | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |
| 27 | Trần Thị Tường Vi     |                       | 22/12/2004 | Đak Rong, Gia Lai              | Cao đẳng Dược (Giấy chứng nhận)                                                            |                                                                       |                                                           |                 |                        | Trạm Y tế xã Kbang             | Trung tâm y tế Kbang                      | Cao đẳng Dược                                      | Trạm Y tế xã Đak Rong          | Trung tâm y tế Kbang                      | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời |

| TT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển                                                                |                                                             |                                                           |                                           | Đối tượng ưu tiên      | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 |                                |                       | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 |                         |                  | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Ghi chú                                                                                                 |
|----|----------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                      | Nam                   | Nữ         |                                | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ) | Tiêu chuẩn khác                           |                        | Khoa/phòng /trạm               | Đơn vị dự tuyển                | Vị trí dự tuyển       | Khoa/phòng/ trạm               | Đơn vị dự tuyển         | Vị trí dự tuyển  |                                |                                      |                                                                                                         |
| 28 | Phan Thị Hải Yến     |                       | 02/01/1998 | Pleiku, Gia Lai                | Cử nhân Quản lý văn hóa 0000382                                                            |                                                             |                                                           | Giấy chứng nhận nghiệp vụ văn thư lưu trữ |                        |                                | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên          |                                |                         |                  | Văn thư viên                   | 02.007                               | Giấy chứng nhận nghiệp vụ văn thư lưu trữ                                                               |
| 29 | Phạm Thị Phương Bắc  |                       | 6/12/1984  | An Phú, Gia Lai                | Cử nhân điều dưỡng sản phụ khoa 0000652                                                    | Tiếng anh C A3203103                                        | Công nghệ thông tin ngành điều dưỡng 2649                 |                                           |                        |                                | Trung tâm Y tế Pleiku          | Đại học ngành Hộ sinh |                                |                         |                  | Hộ sinh hạng III               | V.08.06.15                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 30 | Bùi Thị Bích Hạnh    |                       | 15/7/1979  | Chư Sê, Gia Lai                | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh 300623                                             |                                                             |                                                           |                                           | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Sê            | Trung tâm Y tế Chư Sê          | Cao đẳng hộ sinh      | Trạm Y tế xã Ia A1 Bá cơ sở 3  | Trung tâm y tế Chư Sê   | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 31 | Nguyễn Thị Mỹ Linh   |                       | 17/7/1996  | Bình An, Gia Lai               | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh 1737972                                            |                                                             |                                                           |                                           |                        | Trạm Y tế phường Bình Định     | Trung tâm Y tế An Nhơn         | Cao đẳng Hộ sinh      | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 32 | Trần Ngọc Trinh Nữ   |                       | 19/10/2003 | Hoài Ân, Gia Lai               | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh CN001852                                           |                                                             |                                                           |                                           |                        | Trạm Y tế xã Hoài Ân - Cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Hoài Ân         | Cao đẳng Hộ sinh      | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Bắc  | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 33 | Trần Thị Thương      |                       | 20/12/1992 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai         | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh 1235493                                            |                                                             |                                                           |                                           |                        | Trạm Y tế phường Bình Định     | Trung tâm Y tế An Nhơn         | Cao đẳng Hộ sinh      |                                |                         |                  | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 34 | Võ Thị Thanh Thuý    |                       | 06/11/2000 | Ân Tường, Gia Lai              | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản 001790                                             |                                                             |                                                           |                                           |                        | Trạm Y tế xã Hoài Ân - Cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Hoài Ân         | Cao đẳng Hộ sinh      |                                |                         |                  | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |
| 35 | Nguyễn Thị Kim Tuyền |                       | 06/02/1985 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai          | Cử nhân điều dưỡng sản phụ khoa 0001888                                                    |                                                             |                                                           |                                           |                        | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Bắc  | Trung tâm Y tế Quy Nhơn        | Cao đẳng Hộ sinh      | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV                | V.08.06.16                           | Trình độ đào tạo không đúng theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 01/3/2025 |

Tổng số thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế năm 2025: 35 thí sinh